

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2025/HNGĐ- ST**

Ngày : 24-6-2025

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Bà **Trần Thị Quế**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 253/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 9/10, tổ 2, khu phố 10, phường Tân Biên, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Công L**, sinh năm 1968; NKTT: Tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị vắng mặt; ông Trần Công L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Công L chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 27/7/1994. Hôn nhân là tự nguyện được gia đình hai

bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống với nhau từ khi kết hôn đến năm 1999 thì vợ chồng sinh sống tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2000 thì vợ chồng chuyển về Đồng Nai sinh sống tại nhà trọ cho đến nay. Quá trình chung sống ở Đồng Nai thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông L cờ bạc, uống rượu sau đó về đánh đập, chửi bới vợ con. Đến năm 2015 thì bà chuyển nhà trọ và sống ly thân với ông L từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy bà Nguyễn Thị Hồng N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Công L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 là Trần Trọng Ân, sinh ngày 25/4/1995 và Trần Trọng Nghĩa, sinh ngày 20/01/2002. Do các con chung là Trần Trọng Ân và Trần Trọng Nghĩa đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ, do vậy bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày bà và ông Trần Công L không có tài sản chung nào nên bà Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày bà và ông Trần Công L không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Công L đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/4/2025 nhưng không được do bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, ông Trần Công L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Trần Công L được ly hôn. Về con chung: Do 02 con chung là Trần Trọng Ân, sinh ngày 25/4/1995 và Trần Trọng Nghĩa, sinh ngày 20/01/2002 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Công L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu giải quyết về ly hôn với ông Trần Công L, có địa chỉ tại tổ 17, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

III. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày bà và ông Trần Công L chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/7/1994. Hôn nhân là tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống với nhau từ khi kết hôn đến năm 1999 thì vợ chồng sinh sống tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2000 thì vợ chồng chuyển về Đồng Nai sinh sống tại nhà trọ cho đến nay. Quá trình sinh sống ở Đồng Nai thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông L cờ bạc, uống rượu sau đó về đánh đập, chửi bới vợ con. Đến năm 2015 thì bà chuyển nhà trọ và sống ly thân với ông L từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy bà Nguyễn Thị Hồng N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Công L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt còn ông Trần Công L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Công L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì thấy rằng vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Trần Công L có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không liên lạc với nhau không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Công L được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} *Về con chung*: Xét lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng N và căn cứ vào giấy khai sinh Bà Nguyễn Thị Hồng N nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Công L có 02 người con chung Trần Trọng Ân, sinh ngày 25/4/1995 và Trần Trọng Nghĩa, sinh ngày 20/01/2002. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự không có bệnh tật gì, không phải sống phụ thuộc vào bố mẹ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{3} *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày quá trình chung sống hai người không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải chi 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N đối với ông Trần Công L về việc “*Xin ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Công L được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0007267 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Nguyễn Thị Tài Lê Thị Sáu

Trần Thị Hà Vi

